

Tên Học Sinh _____ Lớp: _____

Tên Giáo Viên: _____

Tên Phụ Giáo: _____ Ngày _____ Tháng _____ năm _____

QUIZ #6: Lesson 7, 8, & 9

Fill in the blanks (24 pts)

1.  <i>con</i> _____. (ghost)	2.  <i>tô</i> _____. (bowl of egg noodles)
3.  _____ <i>cây</i> . leaf	4.  <i>Cái</i> _____. (neck)
5.  <i>con</i> _____. (stork)	6.  <i>lá</i> _____. (flag)

Need / Want. Cần / Muốn (2 pts each for perfect spelling. 8 pts max)

 7. _____	 8. _____
 9. _____	 10. _____

Multiple choice. (3 pts)

11. What's the **best** way to say "hello" to grandpa (mom's dad).

- a. Kính chào ông ngoại! b. Chào ông ngoại! c. ông ngoại!

12. Number 8 in Vietnamese is...

- a. Tám b. Tăm c. Bảy

13. What is "**don't like**" in Vietnamese?

- a. Thích b. Muốn c. Không thích

Translate the sentence.

14. Chào anh! Anh khỏe không? (6 pts)

15. Mẹ có bảy cái áo màu tím. (5 pts)
